

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN H
THÀNH PHỐ Đ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: **25/2021/HNGĐ-ST**

Ngày 05 tháng 5 năm 2021

V/v Ly hôn và nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN H- THÀNH PHỐ Đ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hữu Thị Hào Hào
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Thanh Trà
Ông Huỳnh Tiền
- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Tuyết Nhung, Thư ký Tòa án
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận H tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Đức Khoa - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 218/2020/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2020 về việc “Ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2021/QĐXX-HNGĐ ngày 22/3/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2021/QĐST-HNGĐ ngày 12/4/2021 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà **Nguyễn Thị Mỹ T, sinh năm 1993**; Hộ khẩu thường trú: Tổ 45 đường A, phường B, quận S, thành phố Đ. Địa chỉ liên hệ: VT 1, phường Đ, quận S, thành phố Đ (bà T có mặt tại phiên tòa)

- **Bị đơn:** Ông **Lê Nguyễn Hoài T1, sinh năm 1987**; Hộ khẩu thường trú: K154/12 đường N, phường H II, quận H, thành phố Đ. (Vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và các lời khai tại Tòa án nhân dân quận H nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ T trình bày:

Tôi và ông Lê Nguyễn Hoài T1 là vợ chồng có tổ chức đám cưới vào tháng 01 năm 2012, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H II, quận H, thành phố Đ. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung tại nhà cha mẹ chồng tại địa chỉ K154/12 đường N, phường H II, quận H, thành phố Đ. Trong quá trình sống chung xảy ra nhiều mâu thuẫn, do không cùng tính cách, quan điểm sống hai bên không hợp nhau nên thường xuyên cãi vã không thể hàn gắn được. Đỉnh điểm vào tháng 6 năm 2019 hai bên đã sống ly thân và có nộp đơn ly hôn đến Tòa án nhưng do không đóng án phí nên Tòa án trả lại đơn. Từ đó đến nay, tình cảm phai nhạt dần. Hiện

nay, tôi xác định không còn tình cảm với ông T1, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng kéo dài không thể hàn gắn nên yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Lê Nguyễn Hoài T1.

Tôi và ông Lê Nguyễn Hoài T1 có 02 người con chung là Lê Nguyễn A, sinh ngày 04/3/2013 và Lê Nguyễn G, sinh ngày 14/7/2016. Tôi có nguyện vọng được quyền trực tiếp nuôi cháu A, ông T1 nuôi dưỡng cháu G, không ai có nghĩa vụ cấp dưỡng cho ai

Về tài sản chung và nợ chung: Chúng tôi tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn ông Lê Nguyễn Hoài T1 vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng nên không có bản trình bày.

* Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận H phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ thời điểm thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Lê Nguyễn Hoài T1 là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án nhân dân quận H- thành phố Đ cấp, tổng đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng đến ngày xét xử, ông Lê Nguyễn Hoài T1 vẫn vắng mặt tại phiên tòa (vắng lần thứ hai). Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông Lê Nguyễn Hoài T1.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Mỹ T và ông Lê Nguyễn Hoài T1 đang là vợ chồng theo Giấy đăng ký kết hôn số 108 ngày 17/8/2012 của Ủy ban nhân dân phường H II, quận H, thành phố Đ, hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Theo trình bày của bà T, cuộc sống chung giữa bà và ông T1 không hạnh phúc, do tính tình không hòa hợp, hay gây gổ chửi bới nhau. Hiện nay, cả hai đã không còn sống chung với nhau, phần ai nấy sống không ai quan tâm đến ai. Ông T1 biết việc bà T gửi đơn ly hôn đến Tòa án nhưng không có ý kiến gì, Tòa án cũng đã nhiều lần gửi thông báo mời hòa giải nhưng ông T1 không đến Tòa án để trình bày sự việc cũng không có văn bản gửi Tòa án để phản hồi tình trạng hôn nhân của mình, điều này thể hiện ông T1 không có nguyện vọng hòa giải, hàn gắn cuộc hôn nhân của mình. Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân tại địa phương của ông bà đã cho thấy: Hiện nay, ông T1 và bà T không còn chung sống với nhau. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa ông T1 và bà T đã mâu thuẫn

trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét thấy, nguyện vọng của bà Nguyễn Thị Mỹ T được ly hôn với ông Lê Nguyễn Hoài T1 là chính đáng, phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Mỹ T xác nhận, bà và ông Lê Nguyễn Hoài T1 có hai người con chung lần lượt tên là Lê Nguyễn A, sinh ngày 04/3/2013 và Lê Nguyễn G, sinh ngày 14/7/2016. Bà T1 có nguyện vọng được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu A, ông T1 trực tiếp nuôi dưỡng cháu G, không ai có nghĩa vụ cấp dưỡng cho ai. Xét thấy, theo trình bày của bà T, hiện nay hai con đang được bà và ông T1 cùng nhau chăm sóc nên khi ly hôn mỗi người nuôi mỗi con chung cũng là phù hợp. Tòa án đã lấy ý kiến của cháu A, cháu có trình bày nguyện vọng được ở với mẹ nên căn cứ khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu của bà T giao cháu Lê Nguyễn A cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, giao cho ông Lê Nguyễn Hoài T1 trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Nguyễn G. Do bà T không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Mỹ T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét đây là sự tự nguyện, không trái quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[5] Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ bà Nguyễn Thị Mỹ T phải chịu.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;
- Điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện về việc ly hôn và nuôi con của bà Nguyễn Thị Mỹ T đối với ông Lê Nguyễn Hoài T1, **Tuyên xử:**

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Cho bà Nguyễn Thị Mỹ T được ly hôn với ông Lê Nguyễn Hoài T1.

2. *Về con chung:* Giao cháu Lê Nguyễn A, sinh ngày 04/3/2013 cho bà Nguyễn Thị Mỹ T trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Lê Nguyễn G, sinh ngày 14/7/2016 cho ông Lê Nguyễn Hoài T1 trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

Bên không trực tiếp nuôi con vẫn có quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng bà Nguyễn Thị Mỹ T chịu nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm bà T đã nộp tại Biên lai thu số 0005095 ngày 20/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Hải Châu, Đà Nẵng. Bà Nguyễn Thị Mỹ T đã thi hành xong nghĩa vụ nộp án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong vòng 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận H;
- Chi cục THADS quận H;
- UBND phường H II,
quận H, TP Đ
- (Giấy đăng ký kết hôn số 108 ngày 17/8/2012)
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Hữu Thị Hảo Hảo